

TỜ TRÌNH

**V/v cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Nghị định số 85/2025/NĐ - CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Văn bản số 8536/BTC-TH ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính về thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông báo số..... ngày....8/2025 thông báo Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính¹, UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) và UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã báo cáo Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026-2030 của tỉnh². Hiện nay, 2 tỉnh đã hợp nhất thành tỉnh Quảng Trị (mới), công tác sắp xếp tổ chức bộ máy đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, đồng thời, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8536/BTC-TH ngày 17/6/2025 về việc thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 nên cần thiết phải rà soát lại Kế hoạch đầu tư công trung

¹ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

² Tại văn bản số 396/UBND-TH ngày 14/3/2025 của tỉnh Quảng Bình (cũ) và Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 30/10/2024 của tỉnh Quảng Trị (cũ).



hạn giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình mới của tỉnh Quảng Trị sau hợp nhất.

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 được giao

1. Số vốn giao đầu kỳ trung hạn:

Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 là 15.112,865 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 11.650,165 tỷ đồng (trong đó Quảng Bình cũ là 6.081,997 tỷ đồng, Quảng Trị cũ là 5.568,168 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA): 3.462,700 tỷ đồng (trong đó Quảng Bình cũ là 1.538,9 tỷ đồng, Quảng Trị cũ là 1.923,8 tỷ đồng).

2. Số vốn được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong kỳ:

- Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 770 tỷ đồng (Quảng Trị (cũ): 770 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA): 520,659 tỷ đồng (trong đó Quảng Bình (cũ) là 314,883 tỷ đồng, Quảng Trị (cũ) là 205,776 tỷ đồng)³.

Như vậy, tổng số vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) được giao đến thời điểm hiện nay là 16.403,524 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương trong nước 12.420,165 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 3.983,359 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 đến 31/7/2025.

1. Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án nguồn NSTW trong nước theo ngành, lĩnh vực

UBND tỉnh đã kịp thời hoàn thành phân bổ ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao. Phương án phân bổ kế hoạch hàng năm bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, kiểm soát chặt chẽ thời gian bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng quy định, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả, tính liên tục trong đầu tư công nhằm sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

- Đã tập trung triển khai và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình giao thông quan trọng và các tuyến đường giao thông động lực, kết nối của các huyện, thành phố, thị xã⁴.

³ Quảng Bình cũ: Tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 20/02/2022. Quảng Trị cũ: Tại Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15/8/2024

⁴ Như tuyến đường bộ ven biển của 2 tỉnh, cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, đường ra sân bay Đồng Hới, đường và cầu vượt đường sắt, đường nội thị Dinh Mười, cầu Lộc Thủy – An Thủy, Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị



- Đầu tư cơ bản một số công trình kè sông, kè biển ở các khu vực xung yếu, nguy cơ sạt lở; củng cố, nâng cấp đảm bảo; thực hiện trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, chăm sóc rừng.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các khu công nghiệp, khu kinh tế, tạo điều kiện để thu hút đầu tư.

- Đã đầu tư xây mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, một số hạng mục, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa bệnh viện, cơ sở y tế tuyến tỉnh, trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố.

- Tập trung tu bổ, bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh⁵, góp phần tăng cường hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục tinh thần yêu nước; đồng thời giúp kết nối giữa các điểm du lịch trong vùng.

- Đầu tư xây dựng góp phần hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, tạo nền tảng để phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số..

Về kế hoạch vốn: Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo ngành, lĩnh vực triển khai giai đoạn 2021-2023 tương đối thuận lợi, tỷ lệ giải ngân vốn hàng năm khá cao (đạt trên 90%). Tuy nhiên, năm 2024 trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, nguồn vốn bị cắt giảm nhiều, số vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp thấp⁶, dẫn đến các dự án triển khai cầm chừng. Năm 2025 là năm cuối thực hiện dự án, các dự án đã được Trung ương quan tâm, bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện, dẫn đến một số dự án kế hoạch vốn năm 2025 khá lớn, trong đó một số dự án gặp khó khăn vướng mắc, cần phải có sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp các ngành mới có thể hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁷.

b. Tình hình thực hiện các dự án ODA

Tổng số vốn nước ngoài (ODA) kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Thủ tướng Chính phủ giao và được UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án là 3.983,359 tỷ đồng (trong đó Quảng Bình cũ là 1.853,783 tỷ đồng, Quảng Trị cũ là 2.129,576 tỷ đồng), đạt 100% so với kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao cho địa phương. Mặc dù quá trình thực hiện gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan⁸ vượt qua những khó khăn, kết quả thực hiện và giải ngân vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025 vẫn đạt khá.

xã Quảng Trị, Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong, Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1.

⁵ như: Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị, địa đạo Vịnh Mốc, di tích đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải,

⁶ Quảng Bình cũ: số vốn cho dự án chuyển tiếp chiếm hơn 6% tổng số kế hoạch vốn được giao.

⁷ như: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, giai đoạn 1 (743 tỷ đồng); Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt (590 tỷ đồng); Hệ thống đường nối từ Trung tâm Thành phố đi sân bay Đồng Hới (127,3 tỷ đồng); Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới (106,2 tỷ đồng); Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị (132 tỷ đồng); Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây (63 tỷ đồng); Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 (65 tỷ đồng),.

⁸ (i). Vướng mắc trong bồi thường GPMB tại một số dự án (giá đền bù của nhà nước về đất đai, tài sản... còn chênh lệch khá lớn so với giá thị trường nên người dân một số nơi chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường) dẫn đến thời gian GPMB kéo dài; (ii). Cơ chế, thủ tục thực hiện dự

B. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Tại khoản 4, Điều 43 Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công quy định:

“4. Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành, địa phương, căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh đã rà soát, tổng hợp dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua⁹, làm cơ sở để trình HĐND tỉnh cho ý kiến. Để đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2026-2030.

II. DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Dự kiến tổng nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

Số vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) là **12.420,165 tỷ đồng** (trong đó Quảng Bình (cũ) là 6.081,997 tỷ đồng, Quảng Trị (cũ) là 6.338,168 tỷ đồng).

Theo quy định tại khoản 15, Điều 7, Luật số 90/2025/QH15 (bổ sung điều 36 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15) quy định *“Bộ, cơ quan trung ương và địa phương được chủ động chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau. Hạn mức để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án không vượt quá hai*

án ODA rất phức tạp, vừa thực hiện theo pháp luật trong nước đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà tài trợ, số tay hướng dẫn riêng dẫn đến quá trình thực hiện thủ tục rất mất nhiều thời gian,... (iii). Tỷ lệ giảm thầu một số gói thầu xây lắp quá lớn, dẫn đến việc nhà thầu thua lỗ, chây ỳ, không huy động đủ nguồn lực theo hồ sơ dự thầu, hợp đồng đã ký dẫn đến thi công không đáp ứng tiến độ; (iv). các thủ tục phê duyệt sử dụng vốn dự, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; đàm phán ký kết Hiệp định vay, hợp đồng vay lại của một số dự án ODA mất rất nhiều thời gian; (v). Bên cạnh đó, năng lực của một số chủ đầu tư, Ban QLDA, đơn vị tư vấn, nhà thầu xây lắp thực hiện dự án còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực hiện dự án ODA...

⁹ Tại Thông báo số ngày /2025 thông báo Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030.

lần mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện tại đã được giao theo từng nguồn vốn cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương”.

Theo quy định trên, UBND tỉnh được quyền chủ động chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án với hạn mức không vượt quá 2 lần mức vốn kế hoạch đầu tư công hiện tại. Do hiện nay mới ở bước tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn lần 1 của tỉnh sau sáp nhập nên UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến với dự kiến tổng mức vốn vượt khoảng 2,4 lần (nếu tính cả số vốn tăng thu năm 2024 được giao bổ sung 2.580 tỷ đồng thì tăng 2 lần) so với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW trong nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh (sau hợp nhất) đã được Thủ tướng Chính phủ giao (đã trừ nhu cầu dự án trọng điểm liên vùng và đối ứng ODA). Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 70/2025/QH15 quy định số vốn bố trí cho dự án kết nối có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững nằm ở dòng vốn khác, ngoài dòng vốn của ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo ngành, lĩnh vực, vì vậy, UBND tỉnh không tính nhu cầu dự án trọng điểm vào nhu cầu vốn ngành, lĩnh vực.

Đối với nhu cầu nguồn vốn nước ngoài (ODA), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến về tổng nhu cầu đối với các dự án đã có văn bản của UBND tỉnh đề xuất với nhà tài trợ hoặc với các Bộ ngành Trung ương hoặc đã lập hồ sơ đề xuất dự án, đăng ký làm việc với nhà tài trợ và các Bộ ngành trung ương. Do quá trình vận động, triển khai dự án ODA theo quy chế riêng nên không áp dụng hạn mức vốn đối với các dự án ODA.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông báo vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho tỉnh, UBND tỉnh sẽ rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên và sẽ thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn.

Tổng số vốn nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 trình HĐND tỉnh cho ý kiến tại kỳ họp này là 40.311,651 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nguồn vốn	Dự kiến nhu cầu kế hoạch ĐTC NSTW 2026-2030
	TỔNG SỐ	40.311,651
1	VỐN TRONG NƯỚC (vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực và đối ứng ODA, chưa bao gồm các CTMTQG)	36.689,856
-	Dự án trọng điểm liên vùng	6.060.000
-	Theo ngành, lĩnh vực	29.988,265
-	Đối ứng ODA	641,591
2	VỐN NƯỚC NGOÀI	3.621,795



2. Định hướng phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách trung ương

Việc phân bổ đảm bảo tập trung nguồn lực để triển khai những nhiệm vụ, dự án quan trọng, có tính chiến lược, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gồm:

- Các dự án hạ tầng trọng điểm liên vùng, các dự án có tính đột phá về phát triển kinh tế - xã hội;
- Các chương trình, nhiệm vụ dự án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...;
- Các chương trình, nhiệm vụ dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Các chương trình, nhiệm vụ dự án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển;
- Đối với dự án NSTW chỉ cân đối cho các dự án có quy mô từ nhóm B trở lên theo quy định của Luật Đầu tư công số 59/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
- Bố trí vốn cân đối, hài hòa theo địa bàn (giữa phía Bắc và phía Nam tỉnh), cân đối đảm bảo theo số vốn của từng địa bàn đã được giao giai đoạn 2021-2025 và dự kiến giai đoạn 2026-2030.
- Bố trí vốn tập trung cho các xã trung tâm (vùng lõi) và các xã lân cận vùng trung tâm để đảm bảo tính kết nối liên vùng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đối với nhu cầu của các xã còn lại, sẽ cân đối bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn khác.

3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương

UBND tỉnh báo cáo phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách trung ương như sau:

3.1 Vốn trong nước

Tổng số vốn NSTW trong nước trình Hội đồng dân dân tỉnh cho ý kiến lần này là 36.689,856 tỷ đồng, bao gồm:

(1) Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 và đối ứng ODA: 570,217 tỷ đồng, gồm:

- Các dự án chuyển tiếp thuộc các ngành, lĩnh vực: 394,265 tỷ đồng.
- Đối ứng các dự án ODA: 175,952 tỷ đồng.

(2) Bố trí cho các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên vùng: 6.060 tỷ đồng;

(3) Bố trí cho các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn năm 2026-2030: 30.059,639 tỷ đồng.

- Các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực: 29.594 tỷ đồng.
- Đối ứng các dự án ODA: 465,639 tỷ đồng.

(Phương án dự kiến vốn theo ngành lĩnh vực tại Phụ lục I, vốn đối ứng ODA



tại Phụ lục II kèm theo)

3.2. Vốn nước ngoài

Tổng số vốn NSTW (vốn nước ngoài) dự kiến giai đoạn 2026-2030 là 3.621,795 tỷ đồng:

(1) Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030: 1.201,404 tỷ đồng.

(2) Bố trí cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030: 2.420,391 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Danh mục dự án và số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương dự kiến giai đoạn 2026-2030 UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua lần này mới ở bước tổng hợp nhu cầu, có rà soát để phù hợp với tiêu chí về số vốn và số dự án theo hướng dẫn của Trung ương. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông báo số vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho tỉnh, UBND tỉnh sẽ rà soát và trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh bổ sung (cả danh mục dự án và tổng mức đầu tư các dự án, nếu cần thiết) theo tình hình thực tế và số vốn sẽ được thông báo, đồng thời thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

Phụ lục 1a
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (PHẦN SỞ NGÀNH)
(Kèm theo Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ			28.544.647	27.402.661	25.673.265		
1	Sở Xây dựng			11.516.000	11.516.000	11.516.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
1.1	Dự án trọng điểm liên vùng			6.060.000	6.060.000	6.060.000		
(1)	Dự án hệ thống các trục đường kết nối TP Đồng Hới(cũ) với Khu du lịch quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (4 tuyến nhánh)	Đồng Sơn, Đồng Thuận, Phong Nha, Hoàn Lão		6.060.000	6.060.000	6.060.000	Sở Xây dựng	
-	Tuyến 1: Tuyến đường du lịch phía Bắc P Đồng Thuận (TP Đồng Hới cũ) nối đường ven biển với đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (Km8+066/DVB đoạn Nam cầu Chánh Hòa – Quang Phú đến Km974+00/HCMĐ)	P.Đồng Thuận và Xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị		2.500.000	2.500.000	2.500.000		
-	Tuyến 2: Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 562 đoạn từ Km0+00 đến Km20+00 (đoạn từ Trung tâm du lịch Phong Nha đến Khu di tích lịch sử Đường 20 Quyết Thắng)	Xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị		2.200.000	2.200.000	2.200.000		
-	Tuyến 3: Đường nối cầu Nhật Lệ 3 với đường Hồ Chí Minh nhánh Đông tại Km993+900 (ĐT.570C).	P. Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị		670.000	670.000	670.000		
-	Tuyến 4: Đường nối ĐT.570 với ĐT.570C	P. Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị		690.000	690.000	690.000		
1.2	Dự án giao thông khác			5.456.000	5.456.000	5.456.000		
(1)	Nâng cấp, mở rộng đường Trương Pháp	P Đồng Hới		300.000	300.000	300.000	Sở Xây dựng	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số				Trong đó: NSTW
(2)	Nâng cấp, mở rộng QL.9 đoạn từ Cảng Cửa Việt đến QL.1 tỉnh Quảng Trị	Các xã: Cửa Việt, Gio Linh và Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị		748.000	748.000	748.000	Sở Xây dựng	
(3)	Đường kết nối từ Đông Hà đến Hải Lăng (Đường Hùng Vương kéo dài)	Nam Đông Hà, Quảng Trị, Triệu Phong, Ái Tử và Hải Lăng		900.000	900.000	900.000	Sở Xây dựng	
(4)	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây (giai đoạn 2)	Bến Quan và Hướng Lập		700.000	700.000	700.000	Sở Xây dựng	
(5)	Quốc lộ 9B đoạn Km0 - Km4 (Quán Hàu - Vĩnh Tuy) và Km20 - Km52 (Ngã ba Vạn Ninh - Tăng Ký) và Cầu Xuân Bô (gồm đường hai đầu cầu)	Các xã: Quảng Ninh, Kim Ngân, Lệ Thủy tỉnh Quảng Trị		1.350.000	1.350.000	1.350.000	Sở Xây dựng	
(6)	Quốc lộ 15D đoạn từ đường HCM đến cửa khẩu La Lay	Xã La Lay, tỉnh Quảng Trị		1.458.000	1.458.000	1.458.000	Sở Xây dựng	
2	Sở NN & Môi trường			3.292.000	3.292.000	3.292.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án Hệ thống cấp nước sạch vùng nông thôn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		900.000	900.000	900.000	Sở NN&MT	
(2)	Dự án: Sửa chữa các hồ chứa bị hư hỏng có nguy cơ mất an toàn tỉnh Quảng Trị và Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn	Toàn tỉnh		1.120.000	1.120.000	1.120.000	Sở NN&MT	
(3)	Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác QLBNR, PCCCR và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tỉnh Quảng Trị.	Toàn tỉnh		240.000	240.000	240.000	Sở NN&MT	
(4)	Nâng cấp hệ thống đê điều và xử lý phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, chủ động ứng phó với thiên tai, nước biển dâng, biến đổi khí hậu	Toàn tỉnh		850.000	850.000	850.000	Sở NN&MT	
(5)	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		182.000	182.000	182.000	Sở NN&MT	
3	Sở Y tế			1.050.000	900.000	1.050.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án Đầu tư trang thiết bị ngành y tế tỉnh	Toàn tỉnh		300.000	150.000	300.000	Sở Y tế	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số				Trong đó: NSTW
(2)	Dự án: Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Trị (giai đoạn 2) và Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Ninh (giai đoạn 2)	Bắc Gianh, Ninh Châu		500.000	500.000	500.000	Sở Y tế	
(3)	Dự án: Xây dựng Khu nhà điều trị nội trú, Khoa Dược, Nhà đặt máy SPECT-CT, xạ trị áp sát và kết nối hạ tầng kỹ thuật	P. Nam Đông Hà		250.000	250.000	250.000	Sở Y tế	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và DL			681.000	681.000	681.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án Trung tâm TĐTT tỉnh (giai đoạn 2)	P.Đồng Thuận		275.000	275.000	275.000	Sở Văn hóa, TT và DL	
(2)	Dự án Tượng đài và vườn hoa Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Phường Đồng Hới		96.000	96.000	96.000	Sở Văn hóa, TT và DL	
(3)	Dự án Cơ sở hạ tầng các Khu dịch vụ - du lịch biển và Đầu tư xây dựng, bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng phía nam tỉnh Quảng Trị	Nam Quảng Trị		310.000	310.000	310.000	Sở Văn hóa, TT và DL	
5	Sở Công thương			340.000	340.000	340.000		
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030							
	Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi và hải đảo							
(1)	Cấp điện nông thôn, miền núi	Các thôn/Bản trên địa bàn các xã khu vực biên giới và ĐBKK thuộc tỉnh Quảng Trị		340.000	340.000	340.000	Sở Công thương	
6	Sở Khoa học và Công nghệ			1.000.000	1.000.000	1.000.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án KHCN, chuyển đổi số theo NQ 57 của bộ chính trị	Toàn tỉnh		750.000	750.000	750.000	Sở Khoa học và công nghệ	
(2)	Dự án nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử và giám sát, điều hành thông minh tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		250.000	250.000	250.000	Sở Khoa học và công nghệ	
7	Sở Giáo dục - Đào tạo			1.860.000	1.860.000	1.860.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án xoá phòng học tạm, phòng học mượn, thay thế phòng học xuống cấp và xây dựng nhà ở Công vụ cho giáo viên và phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú	Toàn tỉnh		560.000	560.000	560.000	Sở Giáo dục- Đào tạo	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
(2)	Dự án phát triển các trường khu vực biên giới	Toàn tỉnh		1.300.000	1.300.000	1.300.000	Sở Giáo dục- Đào tạo	
8	Sở Nội vụ			200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án Xây dựng 02 Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Trị	Đồng Trạch, Cửa Việt		200.000	200.000	200.000	Sở Nội vụ	
9	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh			240.000	240.000	240.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Dự án Rà phá bom mìn vật nổ phục vụ phát triển KTXH trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2026-2030	Toàn tỉnh		150.000	150.000	150.000	Bộ CHQS tỉnh	
(2)	Xây dựng Đại đội kho vũ khí đạn (vị trí mới)	Nam Trạch		90.000	90.000	90.000	Bộ CHQS tỉnh	
10	Ban CHBD Biên phòng tỉnh			740.000	740.000	740.000		
(1)	Đường ra biên giới từ bản Bãi Dinh đến bản Ka Ai, Ka Vàng và đến cột mốc 524, xã Dân Hóa; Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến bản Long Sơn, bản Trung Sơn đến bản Dốc Mây và đến mốc giới 552, xã Trường Sơn	Xã Dân Hóa; Trường Sơn		550.000	550.000	550.000	Ban CHBD BP tỉnh	
(2)	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông biên giới (Từ Tà Miên xã ĐaKrông đi Pa Lin xã Tà Rụt; Lao Bảo đi Hướng Phùng; Trạm KS A Dơi đi Trạm KS BP Pa Roi; xã A Dơi đi Sa Trầm, ĐaKrông đến Ba Lin và đến trung tâm xã A Vao)	xã ĐaKrông, Tà Rụt, Lao Bảo, Hướng Phùng, A Dơi, Ba Lin; A Vao, tỉnh Quảng Trị		190.000	190.000	190.000	Ban CHBD BP tỉnh	
11	Công an tỉnh			630.000	630.000	630.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng 54 trụ sở Công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Trị (10tỷ đồng/1 xã)	Tại 54 xã trên địa bàn tỉnh		540.000	540.000	540.000	Công an tỉnh	
(2)	Trụ sở làm việc phòng PC06, PC10	Phường Đồng Hới		90.000	90.000	90.000	Công an tỉnh	
12	BQL Khu kinh tế			1.548.868	1.548.868	1.418.868		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030							
(1)	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	3080/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	268.868	268.868	138.868	BQL KKT	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030							
(1)	Xây dựng và nâng cấp tuyến đường ra cảng Hòn La	Xã Phú Trạch		300.000	300.000	300.000	BQL KKT	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số Trong đó: NSTW			
(2)	Xây dựng đường trục chính và hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Xã Nam Cừ Việt, Triệu Cơ, Vĩnh Định, Diên Sanh, Mỹ Thủy		820.000	820.000	820.000	BQL KKT
(3)	Xử lý sạt trượt tại khu vực trung tâm CK Cha Lo	Dân Hóa		160.000	160.000	160.000	BQL KKT
13	Trung tâm Quan trắc CNTT NN và MT			45.000	45.000	7.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
-	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	ĐH; TP; VL, HH	1472/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	45.000	45.000	7.500	Trung tâm quan trắc NNMT
14	BQL Vườn Quốc gia PNKB			150.000	150.000	150.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
(1)	Công trình cấp bách phòng cháy và chữa cháy rừng			150.000	150.000	150.000	BQL VQG Phong Nha -Kẻ Bàng
15	BQLDA BIIG2			800.000	800.000	800.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
(1)	Tuyến đường từ xã Nam Gianh kết nối với Khu du lịch Đá Nhảy			800.000	800.000	800.000	BIIG 2
16	Ban QLDA ĐTXD tỉnh			4.151.779	3.159.793	1.447.897	
	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030</i>						
(1)	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	20/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000	11.250	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
(2)	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đông Hà	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	175.000	50.000	15.466	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
(3)	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	VL, GL, TP, ĐH	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 46-NQ-HĐND ngày 26/6/2025	2.731.779	1.864.793	221.181	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
(1)	Trường Chính trị Lê Duẩn			300.000	300.000	300.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
(2)	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Việt (cầu Cửa Việt và đường hai đầu cầu) và đoạn từ đường Dương Khê đến ranh giới tỉnh Thừa Thiên Huế	Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng		900.000	900.000	900.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh			300.000	300.000	300.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
(1)	Dự án: Xây dựng Trung tâm Báo và Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Đồng Hới		300.000	300.000	300.000	Báo và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	

Phụ lục 1b
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CHI TIẾT XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)
(Kèm theo Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ	-	10.375.000	10.375.000	10.375.000		
1	Xã Minh Hóa		320.000	320.000	320.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Đường Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt, xã Minh Hóa (giai đoạn 2); Kè chống sạt lở bờ suối từ đập Ba Nương về Tổ dân phố 3 xã Minh Hóa...)	Minh Hóa	320.000	320.000	320.000	UBND xã Minh Hóa	
2	Xã Kim Phú		210.000	210.000	210.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Tân Lý (Quốc lộ 12A) đi khu du lịch Tú Làn	Kim Phú	210.000	210.000	210.000	UBND xã Kim Phú	
3	Xã Tuyên Hóa		340.000	340.000	340.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Hạ tầng tuyến đường 36m kết nối khu dân cư xã Tiến Hóa đi xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hoá; Kè chống xói lở đôi bờ sông Gianh đoạn qua xã Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Trj...)	Tuyên Hóa	340.000	340.000	340.000	UBND xã Tuyên Hóa	
4	Xã Đồng Lê		180.000	180.000	180.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Hạ tầng kỹ thuật đường từ xã Đồng Lê đi xã Tuyên Phú	Đồng Lê	180.000	180.000	180.000	UBND xã Đồng Lê	
5	Xã Quảng Trạch		340.000	340.000	340.000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường chính trên địa bàn xã Quảng Trạch; Hạ tầng kết nối giao thông tuyến đường chính từ Trung tâm xã Quảng Trạch với đường ven biển, xã Quảng Trạch....)	Quảng Trạch	340.000	340.000	340.000	UBND xã Quảng Trạch	
6	Xã Phú Trạch		230.000	230.000	230.000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phú - Kim - Hợp (cũ) đoạn từ Quốc lộ 1A đi trung tâm xã Quảng Hợp (cũ)	Phú Trạch	230.000	230.000	230.000	UBND xã Phú Trạch	
7	Xã Hòa Trạch		200.000	200.000	200.000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
	Hạ tầng tuyến đường chính từ Đường tỉnh lộ 22 kết nối với Đường tỉnh lộ 558B	Hòa Trạch	200.000	200.000	200.000	UBND xã Hòa Trạch	
8	Phường Ba Đồn		400.000	400.000	400.000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị phường Ba Đồn; Tuyến đường kết nối từ cầu Quảng Hải qua phường Ba Đồn đi phường Bắc Gianh; ...)	Ba Đồn	400.000	400.000	400.000	UBND phường Ba Đồn	
9	Phường Nam Gianh		180.000	180.000	180.000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Hạ tầng tuyến đường chính từ ga Minh Lệ kết nối với tuyến đường Trục chính qua các xã vùng Nam.	Ba Đồn	180.000	180.000	180.000	UBND xã Nam Gianh	
10	Phường Bắc Gianh		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư XD tuyến đường từ đường Lý Thường Kiệt đoạn từ QL1A đi tuyến đường ven biển, phường Bắc Gianh	Bắc Gianh	200.000	200.000	200.000	UBND phường Bắc Gianh	
11	Xã Hoàn Lão		350.000	350.000	350.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Tuyến đường kết nối từ đường ven biển đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (giai đoạn 2); Tuyến đường từ đường tỉnh 566 đi đường tránh TP Đồng Hới;...)	Hoàn Lão	350.000	350.000	350.000	UBND xã Hoàn Lão	
12	Xã Bắc Trạch		160.000	160.000	160.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Dự án khắc phục sạt lở bờ biển thôn Thanh Xuân, xã Bắc Trạch	Bắc Trạch	160.000	160.000	160.000	UBND xã Bắc Trạch	
13	Xã Nam Trạch		190.000	190.000	190.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường từ ngã ba Quyết Tiến đi biển Nhân Trạch	Nam Trạch	190.000	190.000	190.000	UBND xã Nam Trạch	
14	Phường Đồng Hới		350.000	350.000	350.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMDT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Kênh thoát lũ Khe Duyên	Đồng Hới	350.000	350.000	350.000	UBND phường Đồng Hới	
15	Phường Đồng Thuận		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến đường xung quanh KCN Tây Bắc Đồng Hới	Đồng Thuận	250.000	250.000	250.000	UBND phường Đồng Thuận	
16	Xã Quảng Ninh		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Xây dựng các tuyến đường kết nối khu vực Bắc Ninh xã Quảng Ninh đến phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Quảng Ninh	200.000	200.000	200.000	UBND xã Quảng Ninh	
17	Xã Ninh Châu		160.000	160.000	160.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Nhật Lệ - Kiến Giang đoạn qua xã Ninh Châu	Ninh Châu	160.000	160.000	160.000	UBND xã Ninh Châu	
18	Xã Trường Ninh		180.000	180.000	180.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư hệ thống đê kè Hới Chọc, xã Trường Ninh	Trường Ninh	180.000	180.000	180.000	UBND xã Trường Ninh	
19	Xã Lệ Thủy		450.000	450.000	450.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Xây dựng tuyến đường từ ngã tư đường Hùng Vương nối đường 30, xã Lệ Thủy; hạ tầng kỹ thuật và công viên trung tâm xã Lệ Thủy; Đường cứu hộ, cứu nạn từ cầu Lộc Thủy - An Thủy đi đường Hồ Chí Minh nhánh Đông;...)	Lệ Thủy	450.000	450.000	450.000	UBND xã Lệ Thủy	
20	Xã Trường Phú		180.000	180.000	180.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Hệ thống đường giao thông kết nối với đường Hồ Chí Minh nhánh đông và phụ cận	Trường Phú	180.000	180.000	180.000	UBND xã Trường Phú	
21	Xã Lệ Ninh		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường và kè chống sạt lở 2 bờ sông Cẩm Lý (đoạn qua xã Lệ Ninh)	Lệ Ninh	200.000	200.000	200.000	UBND xã Lệ Ninh	
22	Xã Cam Hồng		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Tuyến đường trục chính xã Cam Hồng kết nối đường ven biển	Cam Hồng	250.000	250.000	250.000	UBND xã Cam Hồng	
23	Xã Sen Ngư		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Tuyến đường trung tâm xã Sen Ngư (nối từ QL1 đến đường ven biển và biển xã Sen Ngư, từ thôn Sen Đông đến thôn Nam Hải)	Sen Ngư	200.000	200.000	200.000	UBND xã Sen Ngư	
24	Phường Đông Hà		200.000	200.000	200.000	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm phường	Đông Hà	200.000	200.000	200.000	UBND Phường Đông Hà	
25	Phường Nam Đông Hà		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường động lực phía Đông thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Trần Thánh Tông đến đường Nguyễn Hoàng)	Nam Đông Hà	250.000	250.000	250.000	UBND phường Nam Đông Hà	
26	Phường Quảng Trị		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Đường nối trung tâm thị xã (cũ) với trung tâm xã Hải Lệ (cũ) (Nối đường Trần Hưng Đạo)	Quảng Trị	250.000	250.000	250.000	UBND phường Quảng Trị	
27	Xã Vĩnh Linh		410.000	410.000	410.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Đường kết nối trung tâm xã Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng xã Vĩnh Hoàng (giai đoạn 2); Đường và kè dọc sông Sa Lung phục vụ sản xuất Nông nghiệp và cứu nạn, cứu hộ, ứng phó biến đổi khí hậu;...)	Vĩnh Linh	410.000	410.000	410.000	UBND xã Vĩnh Linh	
28	Xã Vĩnh Hoàng		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường kết nối trung tâm xã đến các vùng trọng điểm kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế biển và cứu hộ cứu nạn xã Vĩnh Hoàng, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Hoàng	200.000	200.000	200.000	UBND Xã Vĩnh Hoàng	
29	Xã Cửa Tùng		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường kết nối từ trung tâm xã đến các thôn trên địa bàn xã Cửa Tùng	Cửa Tùng	200.000	200.000	200.000	UBND xã Cửa Tùng	
30	Xã Cửa Việt		270.000	270.000	270.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường Nguyễn Thị Ôn, xã Cửa Việt	Cửa Việt	270.000	270.000	270.000	UBND xã Cửa Việt	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
31	Xã Gio Linh		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh (cũ) đi xã Gio Châu (cũ); Công viên hồ trung tâm xã Gio Linh; Hạng mục: Bờ kè, đường dạo và các hạng mục phụ trợ	Gio Linh	200.000	200.000	200.000	UBND xã Gio Linh	
32	Xã Triệu Phong		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Kè và đường từ cầu thành cổ về khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn và khu vực thị trấn Ái tử (cũ), khu vực Triệu Thương (cũ)	Triệu Phong	250.000	250.000	250.000	UBND xã Triệu Phong	
33	Xã Triệu Cơ		160.000	160.000	160.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường trung tâm xã kết nối QL49C và Bãi tắm Nhật Tân kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn	Triệu Cơ	160.000	160.000	160.000	UBND xã Triệu Cơ	
34	Xã Diên Sanh		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường dân dinh cứu hộ, cứu nạn xã Diên Sanh - Nam Hải Lãng	Diên Sanh	250.000	250.000	250.000	UBND xã Diên Sanh	
35	Xã Cam Lộ		290.000	290.000	290.000	-	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMDT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Đường giao thông kết nối các vùng kinh tế trọng điểm phía Tây- Nam xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; Sửa chữa, nâng cấp Khu Chính phủ CMLT CHMNVN tại xã Cam Lộ;...)	Cam Lộ	290.000	290.000	290.000	UBND xã Cam Lộ	
36	Xã Hiếu Giang		290.000	290.000	290.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Kè chống sạt lở 02 bên bờ sông Hiếu đoạn qua xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị; Trung tâm hành chính xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị;...)	Hiếu Giang	290.000	290.000	290.000	UBND xã Hiếu Giang	
37	Xã Đakrông		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường giao thông xã Đakrông (Tuyến đường kết nối đến cửa khẩu phụ Cốc, các tuyến đường liên thôn, nội thôn và cầu vượt lũ trên tuyến.	Đakrông	200.000	200.000	200.000	UBND xã Đakrông	
38	Xã Ba Lòng		185.000	185.000	185.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường từ trung tâm xã về các thôn và đường vào khu lưu niệm chiến khu Ba Lòng; Đường giao thông nối điểm cuối đường 588a vào đường 15D; Xây dựng cầu vượt lũ tại km11+200 tuyến ĐT.588a	Ba Lòng	185.000	185.000	185.000	UBND xã Ba Lòng	
39	Xã Hướng Hiệp		200.000	200.000	200.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026 - 2030	Đơn vị đề xuất	Ghi chú
			TMĐT				
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông xã Hướng Hiệp	Hướng Hiệp	200.000	200.000	200.000	UBND xã Hướng Hiệp	
40	Xã Khe Sanh		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Các tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, đường ĐT587 từ Khe Sanh đi xã Húc	Khe Sanh	200.000	200.000	200.000	UBND xã Khe Sanh	
41	Xã Hướng Phùng		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường giao thông liên thôn xã Hướng Phùng	Hướng Phùng	200.000	200.000	200.000	UBND xã Hướng Phùng	
42	Xã Lao Bảo		200.000	200.000	200.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đường từ Khu Tái định cư Lao Bảo, Tân Thành đến đường vào thác Ô Ô, xã Tân Long cũ	Lao Bảo	200.000	200.000	200.000	UBND xã Lao Bảo	
43	ĐK Cồn Cỏ		250.000	250.000	250.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã (Kè chống xói lở, bảo vệ đặc khu Cồn Cỏ; Công viên, Quảng trường khu vực Cột cờ Tổ quốc và bãi tắm nhân tạo phục vụ du lịch kết hợp thao trường huấn luyện bơi cho bộ đội...)	Cồn Cỏ	250.000	250.000	250.000	UBND đặc khu Cồn Cỏ	

Phụ lục 2
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Tờ trình số 19/TT-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đông

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư						Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030								Ghi chú		
				TMĐT						Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao						Số vốn còn lại thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa bố trí														
				Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó									
					Tổng số	NSTW	NSDP	Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài											
									Tổng số			Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số	NSTW			NSDP	Tổng số	NSTW		NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW cấp phát				
	TỔNG SỐ			8.342.710	2.173.567	1.027.612	1.141.507	7.657	6.131.061	4.060.397	1.054.308	260.636	178.000	82.636	793.672	793.672	544.194	145.109	128.552	16.557	399.085	399.085	5.084.189	1.462.394	641.591	820.803	3.621.795	3.621.795		
A	Các dự án đang triển khai thực hiện			2.739.390	508.976	225.400	279.128	7.657	2.192.332	1.601.595	1.054.308	260.636	178.000	82.636	793.672	793.672	544.194	145.109	128.552	16.557	399.085	399.085	1.481.346	279.942	175.952	103.990	1.201.404	1.201.404		
1	Công trình công cộng tại đô thị																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới, Nam Đồng Hới	QĐ số 2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023, 3630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920	192.230	-	192.230	35,3 triệu Euro	960.690	684.730	228.138	22.210	-	22.210	205.928	205.928	29.910	4.210	-	4.210	25.700	25.700	584.062	79.560	-	79.560	504.502	504.502		
2	Giao thông																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), dự án thanh phần tỉnh Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp, A Đai, Khé Sánh, Hương Lập, I.lia, Dakrông,	Quyết định: số 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021, số 777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	921.698	225.400	225.400	-	30 triệu USD	696.298	417.779	378.643	178.000	178.000	-	200.643	200.643	329.195	128.552	128.552	-	200.643	200.643	593.731	175.952	175.952		417.779	417.779		
3	Bảo vệ môi trường																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Dự án Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quang Trị	Vĩnh Linh	QĐ số 2957/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	45.000	8.426		8.426	1,809 triệu EURO	36.574	36.574	27.001	5.056		5.056	21.945	21.945	12.501	2.556	-	2.556	9.945	9.945	30.500	5.926		5.926	24.574	24.574		
2	Dự án Tăng cường nình kê thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quang Bình	Xã Lệ Ninh	216/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh; 1172/VPCP-QHQT ngày 14/02/2025 về chủ trương tiếp nhận và thỏa thuận vốn VTKHL.	11.385	1.450	-	1.450	400.000 USD	9.935	9.935	435	435	-	435	-	-	0	-	-	-	-	-	10.950	1.015		1.015	9.935	9.935		
4	Cấp nước, thoát nước																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Dự án Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyên, huyện Cam Lộ, tỉnh Quang Trị	Cam Lộ, Hiếu Giang	QĐ số 3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	37.296	7.479		7.479	1,2 triệu EURO	29.817	29.817	23.000	5.000		5.000	18.000	18.000	11.555	2.800	-	2.800	8.755	8.755	25.851	5.279		5.279	20.572	20.572		
5	Xã hội																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	Nam Đồng Hới	QĐ số 2663/QĐ-UBND ngày 07/11/2024, QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	293.310,5	15.510,5		15.510,5	12 triệu USD	277.800	277.800	217.110	9.310		9.310	207.800	207.800	158.352	4.310	-	4.310	154.042	154.042	234.553	10.511		10.511	224.042	224.042		
6	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																													
(a)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030																													
1	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR), tỉnh Quang Trị	Vĩnh Hoảng, Cửa Tùng, Cửa Việt, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hải Lăng,	1486/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 và 840/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	277.780	58.481	-	54.033	7.657	181.218	144.960	179.981	40.625		40.625	139.356	139.356	2.681	2.681		2.681	-	-	1.700	1.700	-	1.700	-	-		
B	Các dự án đang đề xuất vận động mới giai đoạn 2026-2030			5.603.320	1.664.591	802.212	862.379	-	3.938.729	2.458.802	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.602.842	1.182.451	465.639	716.813	2.420.391	2.420.391			
1	Biến đổi khí hậu																													
(a)	Dự án dự kiến hoàn thành giai đoạn 2026-2030																													
1	Dự án Phòng chống sa mạc hóa ven biển tỉnh Quang Bình, Bắc Trung bộ Việt Nam	08 xã tỉnh Quang Trị	6212/BKHĐT-KTDN ngày 05/8/2024; Thư của KOICA ngày 18/02/2025 xác nhận chỉ tiêu dự án	311.510	61.510		61.510	10 triệu USD	250.000	117.495												136.505	19.010		19.010	117.495	117.495		Vốn nước ngoài bao gồm vốn DTP và JICA, KII	
2	Giao thông																													
(a)	Dự án dự kiến hoàn thành dự vào kế hoạch giai đoạn 2026-2030																													

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Nghị định số 85/2025/NĐ - CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số
163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan,
Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư,
Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Văn bản số 8536/BTC-TH ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính về
thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2026-2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư
công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030; sau khi
nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn
nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương dự kiến giai đoạn 2026-2030 là:
40.311,651 tỷ đồng, gồm:

- Vốn trong nước: 36.689,856 tỷ đồng
- Vốn nước ngoài: 3.621,795 tỷ đồng

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này; Hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 báo cáo Bộ Tài chính, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Đài PT-TH QT;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH